

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-03-2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách

Ông Phạm Văn Khuyến

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham
gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét
xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2019/TLST-HNGĐ ngày
03 tháng 12 năm 2020 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/02/2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Lệ T - SN: 1973; (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân D - SN: 1980; (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Người có quyền, lợi ích được bảo vệ: Cháu Nguyễn Hoàng Bảo Ph, sinh năm:
2007; Cháu Nguyễn Hoàng Công D, sinh năm 2009.

Cùng hộ khẩu thường trú: Tổ 1, khu phố T, thị trấn TB, huyện B, tỉnh Bình
Phước.

Nơi tạm trú hiện nay: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Hoàng Thị Lệ T trình bày:**

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông D tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân
và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 13/4/2007,
tổ chức hôn lễ theo đúng quy định pháp luật và phong tục địa phương.

Trong đời sống hôn nhân vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên cãi vã
lẫn nhau, nguyên nhân là do ông D thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm lo lắng

cho cho nhau, hiện tại hai bên đang sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T đề nghị Tòa án được ly hôn với ông D.

+ *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, bà T và ông D có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo Ph, sinh năm: 2007; cháu Nguyễn Hoàng Công D, sinh năm 2009. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung.

+ *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà T yêu cầu ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 2.000.000đ/tháng, cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2020, bị đơn ông Nguyễn Xuân D trình bày*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông D thống nhất với bà Th về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn giữa vợ chồng. Ông D cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, do đó ông D đồng ý ly hôn với bà Th.

+ *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông D cũng thừa nhận giữa vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo Ph, sinh năm: 2007; cháu Nguyễn Hoàng Công D, sinh năm 2009. Ông D đồng ý giao 02 con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 2.000.000đ/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời ông D có đơn xin giải quyết vắng mặt tại Tòa án.

- *Tại phiên tòa nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.*

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Lệ T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” do nguyên đơn bà Hoàng Thị Lệ T thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện ông Nguyễn Xuân D có nơi đăng ký thường trú tại Tổ 1, khu phố TB, thị trấn T, huyện B,

tỉnh Bình Phước; nơi tạm trú và làm việc hiện nay: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Xuân D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông D.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T, ông D có tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 13/4/2007. Xét thấy việc kết hôn giữa anh bà Th và ông D là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả bà Th, ông D đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa bà T, ông D là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của bà T, ông D và kết quả xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống, bà T, ông D phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng qua điểm sống, thường xuyên cãi vã; bản thân bà T, ông D không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng nên dẫn đến vợ chồng sống ly thân với nhau. Xét thấy mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bà T và ông D đều tự nguyện ly hôn nên được ghi nhận.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, bà T và ông D đều thừa nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo P, sinh năm: 2007; cháu Nguyễn Hoàng Công D, sinh năm 2009. Xét thấy, khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Hiện nay con chung đang sống với bà T và bà T cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, bản thân 02 cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ, việc này cũng được ông D đồng ý. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình thì cần giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà T yêu cầu ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi cháu 1.000.000đ/tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Việc này cũng đã được ông D đồng ý nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các

bên đương sự.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà Hoàng Thị Lệ T phải chịu 600.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 51, 55, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Lệ T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Lệ T được ly hôn với ông Nguyễn Xuân D.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Lệ T và ông Nguyễn Xuân D chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo Ph, sinh năm: 2007; cháu Nguyễn Hoàng Công D, sinh năm 2009 cho bà Hoàng Thị Lệ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Xuân D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Hoàng Thị Lệ T hàng tháng 2.000.000đ(Hai triệuđồng) (mỗi cháu 1.000.000đ(Một triệu)/tháng) kể từ tháng 03 năm 2020 cho đến khi cháu P và cháu D đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ khác đối với con chung theo quy định của của Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết bà Hoàng Thị Lệ T, ông Nguyễn Xuân D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí: Bà Hoàng Thị Lệ T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 600.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 027357, quyền số 0548 ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Tấn Trường

